HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2022/NQ-HĐND	*Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 13 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết "Quy định quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc"; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

1. Mức tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ do địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt

nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

2. Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại địa phương theo phân cấp tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, bao gồm:

a) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh: Thi khoa học kỹ thuật; thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia; thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh.

b) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện, các trường trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố: Thi khoa học kỹ thuật; thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức chi

1. Đối với các kỳ thi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này: Mức chi được quy định tại Phụ lục I, ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này:

a) Mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh được quy định tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện, các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố được quy định tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức chi trên thực hiện cho những ngày làm việc thực tế. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

4. Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thúy Lan

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND (01). Đ (50).

Phụ lục I

Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (thực hiện các nhiệm vụ do địa phương chủ trì); các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Số TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1.000 đồng)				
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên	Thi tuyển sinh lớp 6	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
I	**Chi tiền công cho các chức danh**						
1	***Ban chỉ đạo thi***						
	a) Trưởng ban	Người/ngày	800	750	420	600	420
	b) Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	750	720	399	580	406
	c) Phó Trưởng ban	Người/ngày	700	675	378	540	378
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	650	536	300	429	300
	đ) Nhân viên phục vụ	Người/ngày	285	285	159	228	159
2	***Hội đồng thi***						
	a) Chủ tịch	Người/ngày	750	675	378	540	378
	b) Phó Chủ tịch	Người/ngày	720	643	359	514	359
	c) Ủy viên	Người/ngày	675	536	300	429	300

Số TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1.000 đồng)				
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên	Thi tuyển sinh lớp 6	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
3	***Hội đồng/Ban ra đề thi***						
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		643	420	600	420
	b) Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		536	336	480	336
	c) Ủy viên, thư ký, công an bảo vệ vòng trong	Người/ngày		450	275	394	275
	d) Ủy viên, thư ký vòng ngoài	Người/ngày		246	137	197	137
	đ) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày		246	137	197	137
4	***Hội đồng/Ban in sao đề thi***						
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	700	643	359	514	359
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	650	536	300	429	300
	c) Ủy viên, thư ký, công an làm việc cách ly	Người/ngày	600	450	252	360	252
	d) Công an vòng ngoài	Người/ngày	300	246	137	197	137
	đ) Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	300	246	137	197	137
5	***Ban/Tổ vận chuyển đề thi***						
	a) Trưởng ban/ Tổ trưởng	Người/ngày	643	514	378	514	378
	b) Ủy viên, công an	Người/ngày	450	360	359	360	359

Số TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1.000 đồng)				
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên	Thi tuyển sinh lớp 6	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
6	***Ban Thư ký Hội đồng thi***						
	a) Trưởng ban	Người/ngày	643	600	359	514	359
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	557	514	312	446	312
	c) Ủy viên	Người/ngày	450	450	252	360	252
7	***Hội đồng coi thi/Ban coi thi***						
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	643	600	336	480	336
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	590	550	329	470	329
	c) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	579	500	324	463	324
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	450	450	252	360	252
	đ) Cán bộ coi thi, giám sát, công an trực 24h, kỹ thuật viên	Người/ngày	450	450	252	360	252
	e) Công an, bảo vệ, trật tự viên, kiểm soát viên	Người/ngày	246	246	137	197	137
	f) Nhân viên y tế, phục vụ	Người/ngày	246	246	137	197	137
8	***Ban/Tổ làm phách***						
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	643	643	359	514	359
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	536	536	300	429	300

Số TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1.000 đồng)				
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên	Thi tuyển sinh lớp 6	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
	c) Ủy viên, thư ký, công an làm việc cách ly	Người/ngày	450	450	252	360	252
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/ngày	246	246	137	197	137
9	***Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định***						
	a) Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	643	643	359	514	359
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	600	600	329	470	329
	c) Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	536	536	300	429	300
	d) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám sát, công an trực 24h	Người/ngày	450	450	252	360	252
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế	Người/ngày	246	246	137	197	137
II	**Tiền công ra đề thi**						
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (đối với đề tự luận và trắc nghiệm)						
	a) Chủ trì	Người/ngày		800	560	800	560
	b) Các thành viên	Người/ngày		560	336	560	336
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	Đề		800	600	800	600
3	Chi tiền công cho cán bộ ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm (đối với đề tự luận và	Người/ngày		800	560	800	560

Số TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1.000 đồng)				
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên	Thi tuyển sinh lớp 6	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
	trắc nghiệm)						
III	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi**						
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi						
	a) Chủ trì	Người/ngày		600	560	600	560
	b) Các thành viên	Người/ngày		520	364	520	364
2	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu		70	39	70	39
3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	Câu		60	33	60	33
4	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu		50	28	50	28
5	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	Câu		35	19	35	19
6	Rà soát, lựa chọn, nhập câu hỏi vào ngân hàng	Câu		10	5	10	5
7	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm						
	a) Chủ trì	Người/ngày		800	560	800	560
	b) Các thành viên	Người/ngày		520	364	520	364
IV	**Tiền công chấm thi**						
1	Chi tiền công cho cán bộ chấm thi; phúc khảo bài	Người/ngày	504	403	352	800	560

Số TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1.000 đồng)				
			Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Thi tuyển sinh trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên	Thi tuyển sinh lớp 6	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện các môn văn hóa
	thi tự luận						
2	Chi tiền công cho cán bộ chấm bài thi nói; bài thi thực hành; phỏng vấn; bài tự luận tuyển sinh môn chuyên	Người/ngày	504	504	352	800	560
3	Chấm bài thi tin học	Người/ngày	504	504	352	800	560
4	Chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	504	403	352	403	352
5	Chấm thẩm định bài thi tự luận	Người/ngày	504	403	352	403	352

Phụ lục II

Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)		
			Thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh	Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh
I	**Chi tiền công cho các chức danh**				
1	***Hội đồng thi***				
	a) Chủ tịch	Người/ngày			514
	b) Phó Chủ tịch	Người/ngày			429
	c) Ủy viên	Người/ngày			360
2	***Hội đồng/Ban ra đề thi***				
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	600		420
	b) Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480		336
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	394		275
	d) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	197		137

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)		
			Thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	**Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh**	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh**
3	***Hội đồng/Ban in sao đề thi***				
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	514		359
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	429		300
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	360		252
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	197		137
4	***Ban Thư ký Hội đồng thi***				
	a) Trưởng ban	Người/ngày			359
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày			312
	c) Ủy viên	Người/ngày			252
5	***Hội đồng coi thi/Ban coi thi***				
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày			336
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày			329
	c) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày			324
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày			252

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)		
			Thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	**Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh**	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh**
	đ) Cán bộ coi thi, giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	360	360	252
	e) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	197	197	137
6	***Ban/Tổ làm phách***				
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	514	514	359
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	429	429	300
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	360	360	252
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/ngày	197	197	137
7	***Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định***				
	a) Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	514	514	359
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	470	470	329
	c) Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	429	429	300
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	360	360	252
	đ) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	197	197	137
II	**Tiền công ra đề thi**				

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)		
			Thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	**Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh**	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh**
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi				
	a) Chủ trì	Người/ngày	800		560
	b) Các thành viên	Người/ngày	520		364
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	Đề	1000		750
3	Ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	Người/ngày	800		560
III	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi**				
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi				
	a) Chủ trì	Người/ngày	800		560
	b) Các thành viên	Người/ngày	520		364
2	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	70		56
3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	Câu	60		48
4	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	50		40
5	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	Câu	35		28

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)		
			Thi vòng 2 chọn đội tuyển dự thi học sinh giỏi quốc gia	**Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh**	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh**
6	Rà soát, lựa chọn, nhập câu hỏi vào ngân hàng	Câu	10		8
7	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm				
	a) Chủ trì	Người/ngày	800		560
	b) Các thành viên	Người/ngày	520		364
IV	**Tiền công chấm thi**				
1	Chấm thi; phúc khảo bài thi tự luận; đánh giá hồ sơ dự án	Người/ngày	800	2.000	560
2	Chấm bài thi nói; bài thi thực hành; phỏng vấn	Người/ngày	800	2.000	560
3	Chấm bài thi tin học	Người/ngày	800		560
4	Chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	504		352
5	Chấm thẩm định bài thi tự luận	Người/ngày	504		352

Phụ lục III

Mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện; các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)	
			Thi khoa học kỹ thuật	Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh.
I	**Chi tiền công cho các chức danh**			
1	***Hội đồng thi***			
	a) Chủ tịch	Người/ngày		360
	b) Phó Chủ tịch	Người/ngày		300
	c) Ủy viên	Người/ngày		250
2	***Hội đồng/Ban ra đề thi***			
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		290
	b) Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		235
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày		190
	d) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày		100
3	***Hội đồng/Ban in sao đề thi***			
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		250
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		210
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày		175

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)	
			Thi khoa học kỹ thuật	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh.**
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày		100
4	***Ban Thư ký Hội đồng thi***			
	a) Trưởng ban	Người/ngày		250
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày		215
	c) Ủy viên	Người/ngày		175
5	***Hội đồng coi thi/Ban coi thi***			
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày		235
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày		230
	c) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày		225
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày		175
	đ) Cán bộ coi thi, giám sát, kỹ thuật viên	Người/ngày	250	175
	e) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	130	100
6	***Ban/Tổ làm phách***			
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	360	250
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	300	210
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	252	175
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/ngày	130	100
7	***Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định***			
	a) Chủ tịch/ Trưởng ban	Người/ngày	360	250

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)	
			Thi khoa học kỹ thuật	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh.**
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	330	230
	c) Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	210
	d) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	252	175
	đ) Y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	130	100
II	**Tiền công ra đề thi**			
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	a) Chủ trì	Người/ngày		390
	b) Các thành viên	Người/ngày		255
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	Đề		525
3	Ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	Người/ngày		390
III	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi**			
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	a) Chủ trì	Người/ngày		390
	b) Các thành viên	Người/ngày		255
2	Soạn thảo câu hỏi thô	Câu		40
3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	Câu		30
4	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu		25

TT	Chức danh, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị: 1000 đồng)	
			Thi khoa học kỹ thuật	**Thi nghề phổ thông; hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh; hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi thiết kế bài giảng điện tử; hội thi văn nghệ đối với giáo viên, học sinh.**
5	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	Câu		20
6	Rà soát, lựa chọn, nhập câu hỏi vào ngân hàng	Câu		5
7	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	a) Chủ trì	Người/ngày		390
	b) Các thành viên	Người/ngày		255
IV	**Tiền công chấm thi**			
1	Chấm thi; phúc khảo bài thi tự luận; đánh giá hồ sơ dự án	Người/ngày	1400	390
2	Chấm bài thi nói; bài thi thực hành; phỏng vấn	Người/ngày	1400	390
3	Chấm bài thi tin học	Người/ngày		390
4	Chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	Người/ngày		245
5	Chấm thẩm định bài thi tự luận	Người/ngày		245